TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THẾ** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: **23**/2024/HNGĐ-ST Ngày 17/6/2024 V/v: Hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chiến
2. Ông Đỗ Ngọc Thắng

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Triệu Quang Hưng-Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nông Văn C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Bản T, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nông Thị T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản T, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 05/4/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (anh Nông Văn C) trình bày:

Anh và chị Nông Thị T cưới nhau có được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 05/10/2010. Sau khi cưới chị T về nhà anh C làm dâu ngay, ở chung với gia đình anh C. Tình cảm vợ chồng bình thường, tuy nhiên do quan điểm sống của hai vợ chồng bất đồng nhau nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị T đã chuyển ra khỏi nhà anh C từ tháng 3 năm 2022 (âm lịch), vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh C xác định không còn tình cảm gì với chị T, vì vậy anh C đã làm đơn xin ly hôn chị T, đề nghị Tòa giải quyết để vợ chồng anh C được ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nông Tùng D, sinh ngày 01/6/2011 và cháu Nông Đức D1, sinh ngày 07/04/2013, hiện nay các cháu đang ở cùng anh C, cháu vẫn phát triển bình thường, nay vợ chồng ly hôn anh C đề nghị được tiếp tục nuôi cả 02 con chung của vợ chồng là cháu Nông Tùng D và cháu Nông Đức D1. Về cấp dưỡng nuôi con anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thu nhập bình quân hàng tháng hiện nay của anh C là hơn 10 triệu đồng/tháng nên xác định đủ điều kiện nuôi con một mình.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (chị Nông Thị T): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng chị T vắng mặt. Địa phương cung cấp: Hiện nay chị T không có mặt tại địa phương, vẫn có hộ khẩu tại Bản T, xã X, huyện Y. Địa phương nắm được giữa anh C và chị T có mâu thuẫn, cãi vã nhau, sống ly thân từ khoảng năm 2022, sau đó chị T đi làm tại Công ty Đ đã lâu không thấy về, địa chỉ cụ thể thì địa phương không nắm được. Chị Đoàn Thị T1- là chị dâu của chị T cho biết, chị T và anh C là vợ chồng, có 02 con chung là cháu Nông Tùng D và cháu Nông Đức D1, chị T1 cũng biết giữa anh C và chị T có mâu thuẫn, gia đình cũng đã khuyên can, hòa giải nhưng không được. Chị T1 ở tại nhà bố mẹ đẻ của chị T và là chị dâu của chị T xác nhận hiện nay chị T đi làm công ty, ở tại ký túc xá công ty Đ nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, không ở nhà bố mẹ đẻ, cũng chưa chuyển khẩu về. Từ thời gian vợ chồng có mâu thuẫn chỉ biết chị T đi làm công ty, có về thăm nhà vài lần.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57; các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn C được ly hôn chị Nông Thị T.

Về con chung: Giao anh Nông Văn C trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Nông Tùng D, sinh ngày 01/6/2011 và cháu Nông Đức D1, sinh ngày 07/04/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Chị Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Nông Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nông Văn C phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0004823 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận anh C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng***:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2022 của anh Nông Văn C đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nông Thị T (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai và đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Vì vậy, xác định chị T cố tình giấu địa chỉ, lẩn tránh khai báo nhằm mục đích gây khó khăn cho anh C và Tòa án trong việc giải quyết ly hôn giữa anh C và chị T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

[2]. ***Về quan hệ tranh chấp:***

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nông Văn C và chị Nông Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của anh C thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng anh C, chị T từ khi kết hôn có thời gian chung sống hoà thuận, bình thường. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được, đã phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ quan điểm sống của hai vợ chồng bất đồng nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Chị T đã chuyển ra khỏi nhà anh C từ tháng 3 năm 2022, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Anh C có đơn xin ly hôn, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng chị T không đến làm việc theo giấy triệu tập và thông báo, cũng không có ý kiến phản hồi gì. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho anh C được ly hôn chị T là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của anh C được chấp nhận.

[2].3. *Về con chung:* Anh C, địa phương và gia đình chị T xác định vợ chồng anh C, chị T có 02 con chung là cháu Nông Tùng D, sinh ngày 01/6/2011 và cháu Nông Đức D1, sinh ngày 07/04/2013. Hiện nay các cháu D và D1 đang ở cùng anh C, các cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn anh C đề nghị được trực tiếp nuôi con, xét thấy hiện nay các cháu vẫn ở với anh C từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, các cháu có nguyện vọng ở cùng anh C, chị T lại thường xuyên không có nhà do đang đi làm công nhân tại công ty Đ, cho nên cần giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung của vợ chồng là phù hợp, vì vậy yêu cầu của anh C về việc nuôi con cần được chấp nhận.

[2].4. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].5. Về án phí: Anh Nông Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57; các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn C được ly hôn chị Nông Thị T.

Về con chung: Giao anh Nông Văn C trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nông Tùng D, sinh ngày 01/6/2011 và cháu Nông Đức D1, sinh ngày 07/04/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Chị Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Nông Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nông Văn C phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004823 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận anh C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Xuân Lương;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Toàn